

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 của
Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh
doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,
tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm
2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà
nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị
định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi
một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017,
Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số
32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 6466/TTr-STC ngày 26
tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty trách nhiệm
hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa, chi tiết tại phụ lục kèm
theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và
các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền đề nghị phê

duyet của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ kế toán, chế độ thu chi tài chính, thu nộp ngân sách, chế độ trích lập sử dụng các quỹ của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham mưu đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa:

a) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo tài chính.

b) Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo các quy định hiện hành của pháp luật; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục:

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022 CỦA CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	TỔNG TÀI SẢN	20.873.124.816
A	Tài sản ngắn hạn	16.021.697.762
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.641.856.415
	Tiền	10.641.856.415
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	927.448.660
1	Phải thu khách hàng	714.805.767
2	Trả trước cho người bán	80.000.000
3	Các khoản phải thu khác	287.754.147
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(155.111.254)
IV	Hàng tồn kho	247.830.808
	Hàng tồn kho	247.830.808
V	Tài sản ngắn hạn khác	4.204.561.879
	Tài sản ngắn hạn khác	4.204.561.879
B	Tài sản dài hạn	4.851.427.054
I	Các khoản phải thu dài hạn	-
II	Tài sản cố định	4.751.591.973
1	Tài sản cố định hữu hình	2.534.773.973
-	Nguyên giá	5.185.915.533
-	Giá trị hao mòn lũy kế	(2.651.141.560)
2	Tài sản cố định vô hình	2.029.500.000
-	Nguyên giá	2.029.500.000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	-
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	187.318.000
III	Bất động sản đầu tư	-
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	-
V	Tài sản dài hạn khác	99.835.081
	Chi phí trả trước dài hạn	99.835.081

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
	TỔNG NGUỒN VỐN	20.873.124.816
C	Nợ phải trả	8.873.124.816
I	Nợ ngắn hạn	8.873.124.816
1	Phải trả người bán	143.318.000
2	Người mua trả tiền trước	1.496.344.000
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	1.071.678.348
4	Phải trả người lao động	1.233.514.909
5	Chi phí phải trả	553.538.200
6	Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	775.613.313
7	Dự phòng rủi ro trả thưởng	2.621.780.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	977.338.046
II	Nợ dài hạn	-
D	Vốn chủ sở hữu	12.000.000.000
I	Vốn chủ sở hữu	12.000.000.000
1	Vốn góp của chủ sở hữu	12.000.000.000
2	Lợi nhuận chưa phân phối	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-
	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
E	Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh	
I	Tổng doanh thu	42.589.195.325
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	42.109.653.757
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	449.078.605
3	Thu nhập khác	30.462.963
II	Tổng chi phí	41.302.936.386
1	Giá vốn hàng bán	32.990.067.976
2	Chi phí bán hàng	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.300.390.417
4	Chi phí tài chính	-
5	Chi phí khác	12.477.993
III	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.286.258.939
IV	Thuế thu nhập doanh nghiệp	259.747.386
V	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.026.511.553